TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/DS-ST
Ngày: 26/9/2024
"*V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phù Thọ Bổn.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Ông Thái Xuân Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2024/TLST-DS Ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-DS, ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng N**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số nhà 24 tổ 25, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm: 1982**.** Địa chỉ: Số nhà 19 tổ 25, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Huỳnh Thanh B**, sinh năm: 1980**.** Địa chỉ: Số nhà 19 tổ 25, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Bà N, bà L có mặt, ông B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Lê Thị Hồng N trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 21/4/2017 âm lịch nhằm ngày 16/5/2017 dương lịch tôi có cho bà Nguyễn Thị Trúc L hốt hụi của tôi là 100.000.000 đồng, tiền mượn là 130.000.000 đồng (có làm biên nhận ngày 23/8 dương lịch). Sau đó đã trả được 30.000.000 đồng nên số tiền nợ còn lại 200.000.000 đồng tính đến ngày 07/5/2024 dương lịch bà L trả cho tôi được 174.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 26.000.000 đồng nhưng cố tình không trả cho tôi. Thời gian qua tôi cho bà L trả mỗi ngày 100.000 đồng nhưng bà L vẫn không trả.

Tôi khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 26.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo

quy định của pháp luật kể từ ngày 16/5/2017 cho đến nay.

- Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Vào năm 2017, chồng tôi là Huỳnh Thanh B có vay 30.000.000 đồng của bà Lê Thị Hồng N, số tiền gốc này thay mặt chồng tôi đã trả hết cho bà N, trong đó bà N tính lãi còn nợ là 15.000.000 đồng.

Bà N có kêu tôi chơi hụi 3.000.000 đồng/tháng, hốt đầu có 40 người chơi nên số tiền tôi hốt là 39 chân sống x 1.850.000 đồng = 72.150.000 đồng, trừ tiền cò 2.500.000 đồng và trừ tiền lãi là 15.000.000 đồng nên tổng số tiền tôi nhận thực tế của bà N là 54.650.000 đồng.

Sau đó bà N tiếp tục tính lãi trên số tiền 54.650.000 đồng, tính mỗi tháng thêm 4.500.000 đồng, tính từ năm 2017 đến nay lên số tiền khoảng mấy trăm triệu.

Nên bà N tính cả số tiền tôi nhận nêu trên là 54.650.000 đồng và tiền lãi phát sinh quy ra 130.000.000 đồng là thành 100 chân hụi, đóng 01 ngày 1.300.000 đồng, trong 100 ngày (03 tháng 10 ngày) thì hết số tiền trên, trong khi đó tôi đóng 19 ngày x 1.300.000 đồng = 24.700.000 đồng nhưng bà N tính qua tiền lãi nên số tiền này bà N tính vẫn còn là 130.000.000 đồng. Sau đó bà N tiếp tục tính lãi trên số tiền 130.000.000 đồng thêm 70.000.000 đồng tiền lãi nữa nên số tiền quy ra tổng cộng là 200.000.000 đồng.

Bắt đầu kêu tôi góp từ năm 2017 đến nay, 01 ngày góp 200.000 đồng, sau đó do không còn khả năng tôi góp 100.000 đồng cho đến nay tôi góp rất nhiều lần nên chỉ còn nợ lại bà N là 24.000.000 đồng. Sau đó trong năm 2024 thì tôi góp được thêm 1.400.000 đồng nên số tiền còn lại là 22.600.000 đồng. Khi góp thì có đối chiếu sổ với nhau. Về biên nhận ngày 23/8 dương lịch ghi tôi nợ bà N 230.000.000 đồng là không đúng, tôi thừa nhận chữ ký và chữ viết là tôi ghi nhưng nội dung phía trên là không phải của tôi mà do bà N tự ghi. Yêu cầu xem xét lại các tài liệu, chứng cứ mà bà N cung cấp cho tòa.

Tại phiên tòa, bà L thừa nhận còn nợ lại bà N số tiền 22.600.000 đồng, nhưng cho rằng đã trả lãi nhiều hơn số tiền gốc nên không đồng ý trả nợ thêm cho bà L. Không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả.

- Tại biên bản lấy lời khai ông Huỳnh Thanh B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của vợ ông bà Nguyễn Thị Trúc L, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Tổng số tiền theo biên nhận bà Nguyễn Thị Trúc L còn nợ tôi là 230.000.000 đồng chốt lại vào ngày 23/8/2017, sau đó bà L góp hàng ngày được nhiều lần nên đến nay còn nợ lại 26.000.000 đồng. Tại đơn kiện tôi yêu cầu số tiền 26.000.000 đồng, tôi xác định đây là số tiền nợ hụi, còn tiền vay mượn thì bà L đã trả xong. Nay bà L chỉ thừa nhận còn nợ số tiền 22.600.000 đồng nên tôi cũng đồng ý với số tiền này. Tại phiên tòa, tôi xin rút lại một phần số tiền gốc là 3.400.000 đồng. Tôi chỉ yêu cầu một mình bà L trả số tiền 22.600.000 đồng, xin rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Đối với các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp cho Tòa án tôi không thừa nhận do bà L tự ghi, không có chữ ký xác nhận của các bên nên không đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận số tiền tranh chấp còn lại là tiền hụi nên đề nghị xem xét quan hệ pháp luật điều chỉnh là tranh chấp hợp đồng góp hụi. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà L trả số tiền nợ gốc là 22.600.000 đồng, đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi do nguyên đơn xin rút. Đình chỉ đối với số tiền mà bà N xin rút là 3.400.000 đồng. Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn Bà Nguyễn Thị Trúc L có nơi cư trú tại tổ 25, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Các đương sự đều thừa nhận số tiền tranh chấp là tiền hụi nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Thanh B có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Bà Nguyễn Thị Trúc L thừa nhận còn nợ số tiền 22.600.000đ như yêu cầu của bà N là đúng. Bà L cho rằng đã đóng được rất nhiều lần tiền lãi cho bà N hơn cả số tiền nợ gốc nên không đồng ý trả nợ, bà L không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng.

Bà N khẳng định các chứng cứ do bà L cung cấp là không đúng, vì do bà L tự ghi, bà N không biết, không ký tên nên không thừa nhận. Xét chứng cứ do bà L cung cấp không có chữ ký xác nhận của các bên và bà N cũng không thừa nhận nên ý kiến của bà L là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Do nguyên đơn xin rút lại yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 3.400.000đ nên đình chỉ đối với yêu cầu này. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn xin rút.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà L bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Trúc L phải trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền gốc là 22.600.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ đối với số tiền mà bà N yêu cầu bà L phải trả là 3.400.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của bà N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà L phải chịu số tiền án phí là 1.130.000 đồng.

- Trả lại cho bà N số tiền án phí tạm nộp là 650.000 đồng theo biên lai số 0004015 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyền kháng cáo: Bà N, bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông B có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän Kieân Löông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Löông;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
THAÅM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA

Nguyễn Văn Pho